TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 -6- 2019
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mùi
Bà Nguyễn Hà Quế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thắng-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 06 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 61B/7, khu phố 5A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976. (Bà K được bà L ủy quyền giao nộp và nhận tất cả các giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa).

Địa chỉ: VPLS Cao Đức Nhuận, 277 đường 30/4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 3803 I Circle # 159 A, Tx, 76013 U.S.A.

(Bà Nguyễn Thị L có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa; Ông Nguyễn Hùng C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/4/2018 và tại bản tự khai bà Nguyễn Thị L trình bày:

Qua giới thiệu của bạn bè, sau một thời gian tìm hiểu và quen biết nhau, bà L và ông C đã đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống Việt Nam. Hôn nhân tự nguyện, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 904, ngày 04/12/2007, vào sổ đăng ký kết hôn số 738 Quyển số 03/2007

ngày 05/12/2007. Sau khi kết hôn ông C trở lại Mỹ để làm thủ tục bảo lãnh cho bà L được sang Mỹ đoàn tụ gia đình. Ông C có về Việt Nam 02 lần sau đó vào năm 2008 thời gian ở lại Việt Nam được 01 tháng và tháng 7 năm 2009 khoảng hơn 01 tháng. Xuất phát từ việc phỏng vấn theo diện đoàn tụ để đi định cư tại Mỹ (diện chồng bảo lãnh vợ) của bà L không suôn sẻ nên giữa bà L và ông C phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, khiến quan hệ giữa bà L và ông C trở nên rạn nứt tình cảm. Từ đó quan hệ giữa hai vợ chồng càng trở nên căng thẳng và thái độ thiếu tôn trọng của gia đình ông C đối với bà L khiến bà L quyết định dừng bổ túc hồ sơ bảo lãnh, do đó việc qua Mỹ đoàn tụ không thực hiện và ngăn cách cuộc sống hai vợ chồng. Do mỗi người ở một đất nước khác nhau và có cuộc sống riêng, liên lạc qua điện thoại mỗi ngày một thưa dần nên khiến bà L buồn, thất vọng khi cuộc sống không như mong muốn. Hai người chính thức không liên lạc với nhau kể từ cuối năm 2011. Ông C mãi lo làm ăn bên Mỹ, không nghĩ đến việc tiếp tục duy trì quan hệ tình cảm vợ chồng và không chu cấp tiền nuôi con chung. Bà L nhận thấy hôn nhân quá vội vàng, thời gian tìm hiểu không kỹ, chung sống quá ít, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà L nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Hùng C. Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Linh Đ, sinh năm: 2010; Bà L xin được chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp cháu Nguyễn Linh Đ và không yêu cầu cấp dưỡng. Hai người có một con gái chung tên là Nguyễn Linh Đ sinh ngày 03/4/2010 và ông C có biết về việc hai người đã có 01 con chung. Tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên bà L đã đăng ký khai sinh cho con gái tại UBND phường T và trong giấy khai sinh lại không ghi tên cha là Nguyễn Hùng C. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do bị đơn không có mặt tại Việt Nam và cũng không cung cấp lời khai nên Tòa án không có lời trình bày của bị đơn.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự , bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa v ụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân giữa bà L và ông C là tự nguyện, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông C về Mỹ, và làm thủ tục cho bà L sang Mỹ để vợ chồng đoàn tụ nhưng trong quá trình làm hồ sơ không được thuận lợi dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống xa nhau về vị trí địa lý, bất đồng quan điểm sống vợ chồng sống xa cách đã lâu. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Việt Nam đã thực hiện gửi thư, báo phát thành công các thủ tục tố tụng cho ông C nhưng ông C không có thông tin phản hồi, thể hiện ông C không còn quan tâm mối quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L. Nên việc bà L xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung có 01 con chung là Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/4/2010, bà L yêu cầu được nuôi cháu Đ và không yêu cầu cấp

dưỡng ông C cấp dưỡng và theo nguyện vọng cháu Đ được ở với mẹ, do đó giao cháu Đ cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có, ông C không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Bà L phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm bà L nộp đơn xin ly hôn, ông Nguyễn Hùng C đang sống tại Mỹ (Hoa Kỳ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hùng C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng hình thức gửi qua đường dịch vụ bưu chính nhiều lần đồng thời tiến hành yêu cầu thông báo thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ và thủ tục thông báo đã Đại sứ quán Việt Nam tại Mỹ (Hoa Kỳ) đã có công văn gửi về Tòa án thông báo việc thực hiện đăng tin trên cổng thông tin điện tử theo luật định nhưng ông C không có mặt nên Tòa xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Loan và ông Cường.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L kết hôn với ông Nguyễn Hùng C chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 904, ngày 04/12/2007, vào sổ đăng ký kết hôn số 738 Quyển số 03/2007 ngày 05/12/2007 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông C trở về Mỹ làm thủ tục bảo lãnh bà L để đoàn tụ gia đình, nhưng khi làm hồ sơ không được thuận lợi nên giữa bà L và ông C phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng dẫn đến quan hệ giữa hai người bị rạn nứt tình cảm. Hơn nửa, mỗi người sống mỗi nước cách xa về vị trí địa lý, liên lạc qua điện thoại mỗi ngày một thưa dần, cuộc sống không như mong muốn. Hai người chính thức không liên lạc với nhau kể từ cuối năm 2011. Mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian xa cách đã lâu, tình cảm không còn và không chu cấp tiền nuôi con chung. Bà L xin được ly hôn ông C là có căn cứ. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[4] Về con chung: Theo lời khai, trình bày của bà L hai người có 01 con chung tên Nguyễn Linh Đ, sinh năm: 2010 và cháu Nguyễn Linh Đ có mong muốn, nguyện vọng được ở với bà L nên chấp nhận theo nguyện vọng của cháu Đ, giao cháu Nguyễn Linh Đ cho bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng ông Nguyễn Hùng C không có lời khai nên không xem xét giải quyết, giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001431 ngày 06/6/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 470, Điều 474, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 123, Điều 124 và Điều 127 Luật hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hùng C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/4/2010 cho bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tạm thời ông C không phải góp phí tổn nuôi con chung.

Ông C có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001431 ngày 06/6/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông Nguyễn Hùng C được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
-Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
-Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.
-Các đương sự (2)
- Lưu (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân Đào

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu Vân **Hồ Thị Sự** **Phạm Thị Xuân Đào**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Đào

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Đồng Nai, ngày tháng 5 năm 2017.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi …..giờ…..phút, ngày…..tháng….năm

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai – Hội trường C

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Hà**

Các hội thẩm nhân dân:

Bà

Bà

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số **34**/HNGĐ-ST ngày 07/4/2017.

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Quyên.
- Bị đơn: Ông Vũ Vũ Đức.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trang tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi kết thúc việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành Nghị án các vấn đề như sau:

- Về thủ tục: HTND1 : Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn.

Ý kiến HTND2 và Chủ tọa: Nhất trí.

Biểu quyết nhất trí 3/3 xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến HTND1 : Khai hai bên sau khi kết hôn đi du lịch sảy ra tranh cãi, ông Vũ Vũ Đức quay trở lại Hoa Kỳ, hai bên chưa sống chung với nhau, càng ngày bà Quyên và ông Đức càng phát sinh mâu thuẫn và dần dần cắt liên lạc với nhau không mong muốn được đoàn tụ, như vậy mục đích kết hôn của bà Quyên và ông Đức không đạt được, nay bà Quyên ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Con chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ý kiến HTND2 và Chủ tọa: Nhất trí.

Biểu quyết nhất trí 3/3: Cho Bà Quyên được ly hôn với ông Đức.

Con chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ý kiến HTND1 : Bà Quyên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến HTND 2 và Chủ tọa: Nhất trí

Biểu quyết 3/3: Bà Quyên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 200.000đ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 27, 34, 131,200, 202, 410, 411 Bộ luật tố tụng dân sự.
Căn cứ Điều 89, 91 và Điều 104 Luật hôn nhân gia đình.
Căn cứ Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Ngọc Quyên với ông Vũ Vũ Đức về việc "Xin ly hôn".

Bà Nguyễn Ngọc Quyên được ly hôn với ông Vũ Vũ Đức

Con chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Quyên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí Bà Quyên đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 009908 ngày 28/3/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí bà Quyên phải chịu.

Án xử sơ thẩm công khai, Quyên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đức vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Biên bản lập xong hồi giờ phút cùng ngày, được thông qua tại phòng nghị án, các thành viên nhất trí ký tên.

Các thành viên **Thẩm Phán – Chủ Tọa**